TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST
Ngày 22-4-2020
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Ngọc Thắm;

Ông Nguyễn Quốc Thống.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Ngô Thu T, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Ông Châu Quốc C, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 01 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Ngô Thu T trình bày yêu cầu:*

- Về hôn nhân: Bà và ông C có thời giam tìm hiểu 03 năm và tiến tới hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau ngày 01 tháng 10 năm 2007.

Lý do xin ly hôn: Quá trình chung sống giữa bà với ông C xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông C không chăm lo cuộc sống gia đình, gây nợ nhiều lần khi bà T khuyên can thì đánh đập bà khiến bà bị ảnh hưởng tinh thần, không thể tiếp tục chung sống. Bà và ông C đã sống ly thân từ năm 2019.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể duy trì cuộc sống hôn nhân nên bà T yêu cầu ly hôn ông Châu Quốc C.

- Về nuôi con chung: Có 03 người con tên Châu Thu T (Nữ), sinh ngày 12/8/2003; Châu Quốc H (Nam), sinh ngày 19/4/2005 và Châu Phúc V (Nam), sinh ngày 20/9/2017. Bà T yêu cầu được nuôi 03 người con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

- Về tài sản chung và công nợ: Bà T tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn ông Châu Quốc C:* Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà ông C không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc bà T yêu cầu ly hôn, nuôi con chung, việc cấp dưỡng, về tài sản chung và công nợ; Đồng thời, Tòa án đã tống đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông C vẫn vắng mặt 04 lần không có lý do.

Tại phiên tòa:

Bà T bảo lưu yêu cầu ly hôn với ông C; yêu cầu được nuôi con, yêu cầu ông C cấp dưỡng đối với cháu Phúc V, bà T không yêu cầu cấp dưỡng cho cháu Thảo và cháu Huy, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Ông C vắng mặt không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng

Bà Ngô Thu T yêu cầu ly hôn với ông Châu Quốc C, yêu cầu nuôi 03 con chung, yêu cầu cấp dưỡng đối với cháu V ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; do ông C cư trú tại ấp A, xã Đ, huyện N nên nên căn cứ Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

Ông Châu Quốc C đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ (lần thứ tư) nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do nên căn cứ khoản 2 Điêu 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông C.

[2]. Về nội dung vụ án

- Về hôn nhân: Bà T và ông C có thời gian tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới gã theo phong tục tập quán địa phương, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau vào ngày 01 tháng 10 năm 2007, tại Giấy chứng nhận kết hôn số 133/2007. Vì vậy quan hệ hôn nhân của bà Ngô Thu T và ông Châu Quốc C được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Bà T cho rằng ông C không có trách nhiệm chăm lo cho gia đình, gây nợ nần, khi cự cãi thì ông C đánh đập, hành hung gây hoang mang cho bà nên bà yêu cầu ly hôn. Tòa án đã triệu tập ông C nhiều lần nhưng ông C vắng mặt không lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà T cho thấy ông C không thiện

chí hàn gắn hôn nhân. Hiện nay, bà T và ông C đã sống ly thân, hai người không còn chăm lo cho nhau. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà T với ông C đã đến mức trầm trọng, có duy trì cũng không mang lại hạnh phúc cho đôi bên nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông C theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con chung: Có 03 người con tên Châu Thu T (Nữ), sinh ngày 12/8/2003; Châu Quốc H (Nam), sinh ngày 19/4/2005 và Châu Phúc V (Nam), sinh ngày 20/9/2017. Hiện nay 03 người con chung đang sống với bà T và bà T yêu cầu được nuôi 03 người con.

Tòa án nhận được văn bản của các con bà T và ông C trình bày nguyện vọng: Khi bà T và ông C ly hôn thì các cháu Thu T, Quốc H, muốn sống với mẹ là bà T vì cha là ông C đã bỏ đi làm ăn không chăm lo cho gia đình, còn cháu Phúc V mới được 31 tháng 02 ngày tuổi. Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Thảo và Huy đều đủ 07 tuổi trở lên có nguyện vọng sống với mẹ, còn cháu V chưa đủ 36 tháng tuổi và bà T cũng có yêu cầu được nuôi hết 03 người con. Thời gian qua đời sống của các cháu được ổn định, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con nên giao các cháu Châu Thu T, Châu Quốc H, Châu Phúc V cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con:

Mặc dù tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 01 năm 2020, bà T yêu cầu cấp dưỡng cho 03 người con nhưng tại phiên xét xử sơ thẩm bà T chỉ yêu cầu ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Châu Phúc V, các người con còn lại bà không yêu cầu ông C cấp dưỡng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nói trên là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử xem xét.

Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà T: Bà T xác định bà và ông C có 03 người con chung và hiện tại các người con đang sống với bà, tại phiên tòa bà T chỉ yêu cầu ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu V theo quy định của pháp luật vì thời gian qua ông C không có trách nhiệm với các người con, các người con khác thì bà không yêu cầu cấp dưỡng, yêu cầu này của bà T là chính đáng. Đối với ông Châu Quốc C được Tòa án triệu tập hợp lệ để giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi. Do đó Hội đồng xét xử buộc ông Châu Quốc C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Châu Phúc V theo quy định tại Điều 107, Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình.

Theo quy định pháp luật thì mức cấp dưỡng mỗi tháng không thấp hơn ½ tháng lương cơ sở (1.490.000 đồng/tháng) bằng 745.000 đồng. Như vậy, ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu V mỗi tháng là 745.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu V tròn 18 tuổi, hình thức cấp dưỡng hàng tháng, cấp vào đầu tháng.

Kể từ ngày bà Ngô Thu T có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông Châu Quốc C chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng ông C còn phải chịu thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng tại thời điểm thi hành án.

Về chia tài sản chung, công nợ: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự*"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch bà Ngô Thu T phải chịu 300.000 đồng, do yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà T được chấp nhận nên ông Châu Quốc C phải chịu án phí cấp dưỡng 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà T được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 220, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, khoản 2, khoản 3 Điều 81, Điều 82, 107, 119 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 468 Bộ luật dân sự; điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Ngô Thu T và ông Châu Quốc C.

2. Về nuôi con chung: Giao 03 người con là Châu Thu T (Nữ), sinh ngày 12/8/2003; Châu Quốc H (Nam), sinh ngày 19/4/2005 và Châu Phúc V (Nam), sinh ngày 20/9/2017 cho bà Ngô Thu T trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Châu Quốc C có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Châu Phúc V mỗi tháng bằng 745.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu V tròn 18 tuổi, hình thức cấp dưỡng hàng tháng, cấp vào đầu tháng.

Kể từ ngày bà Ngô Thu T có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông Châu Quốc C chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng ông C còn phải chịu thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng tại thời điểm thi hành án.

4. Về chia tài sản chung, nợ thu và nợ trả: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí:

+ Bà Ngô Thu T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà T được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007005 ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

+ Ông Châu Quốc C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con bằng 300.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

7. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền